TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/HC- PT
Ngày: 18-01-2024
V/v:Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai (Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định cưỡng chế thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy

Bà Nguyễn Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại thành Phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành- Kiểm sát viên Cao cấp

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 663/2023/TLPT-HC ngày 03 tháng 10 năm 2023, về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai (Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định cưỡng chế thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả)"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2022/HC-ST ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3088/2023/QĐ-PT ngày 29/11/2023, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* bà Hồ Thạch T; cư trú tại: khu V, phường E, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: luật sư Lê Quang Đ, Đoàn luật sư Thành phố H; địa chỉ: Văn phòng luật sư Lê Q – số A đường số A, khu dân cư C, Phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H;

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Văn H – Phó Chủ tịch (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Việt D – Phó Chủ tịch (vắng mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty cổ phần Đ1; địa chỉ: A N, Phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn B và bà Tô Thị H1; cư trú tại: khu V, Phường E, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

3. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang;

Người đại diện hợp pháp: ông Trần Thanh T1 – Chi cục trưởng (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn bà Hồ Thạch T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/12/2022 và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người khởi kiện bà Hồ Thạch T *có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đại diện trình bày:* Người khởi kiện có nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy toàn bộ Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V (viết tắt là UBND) về việc giải quyết khiếu nại của bà Hồ Thạch T (lần đầu); Quyết định số 7464/QĐ-KPHQ ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 1034/QĐ-CCXP ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Hủy Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh H về việc giải quyết khiếu nại đối với bà Hồ Thạch T (lần 2).

Căn cứ khởi kiện: Ngày 30/5/2008 bà T và ông Nguyễn Văn B, bà Tô Thị H1 có ký hợp đồng chuyển nhượng nhà, đất tại thửa 735, tờ bản đồ số 16, khu vực 2, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; bà đã giao đủ tiền cho ông B, bà H1. Tháng 6/2008 bà có mở quán nước giải khát (thuê người bán). Đến tháng 02 năm 2013, bà sửa lại căn nhà; gia đình bà 6 người ở trong căn nhà này. Ngày 11/5/2021, công chức địa chính phường V, thành Phố V đến lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với bà, do đã có hành vi lấn chiếm đất của công ty Cổ phần Đ1 (là phần đất bà đã nhận chuyển nhượng của ông B, bà H1).

Ngày 18/5/2021, Phó chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 1558 xử phạt số tiền 30 triệu đồng và buộc khắc phục hậu quả là "Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm; trả lại đất lấn chiếm". Ngày 28/12/2021, Chủ tịch UBND thành phố V thu hồi, hủy bỏ quyết định xử phạt số 1558, ngày 30/12/2021 dựa vào biên bản vi phạm hành chính số 01 lập

ngày 11/5/2021 Chủ tịch UBND thành phố V, ban hành quyết định số 7464 Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Đất bà T đã nhận chuyển nhượng hợp pháp, gia đình bà T đã tạm trú và ở từ trước tới giờ, không có xé tole, chiếm đất như đại diện Công ty Đ1 đã trình bày tại phiên đối thoại.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố V *trình bày:* Đối với việc người khởi kiện đề nghị người bị kiện rút các quyết định hành chính bị kiện thì người bị kiện không đồng ý, do đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục. Cụ thể:

- *Về thời hiệu xử lý vi phạm và thời hạn ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính:* Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định thời hiệu xử lý vi phạm hành chính, thì hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai là 02 năm. Năm 2011, UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 47/QĐ-UBND về việc giao đất (đợt 1) cho Công ty Cổ phần Đ1 để thực hiện dự án Khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2 và 3, phường V, thành phố V (giai đoạn 1), tỉnh Hậu Giang. Ngày 17 tháng 02 năm 2011, Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp UBND phường V giao đất cho Công ty Cổ phần Đ1, diện tích 118.239,80m^2, tờ bản đồ số 15, 16, 17 tại phường V, thành phố V để sử dụng vào mục đích thực hiện dự án: Khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2 và 3 phường V, thành phố V. Đến tháng 5 năm 2013, bà T từ phường IV về chiếm sử dụng phần đất có diện tích 416,2m^2 của Công ty Cổ phần Đ1 cho đến nay và đã hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính. Ngày 30 tháng 12 năm 2021, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 7464/QĐ-KPHQ về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Hồ Thạch T là đúng theo quy định tại Điều 28, khoản 2 Điều 65 và Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Do bà T không tự nguyện chấp hành Quyết định số 7464/QĐ-KPHQ nên Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1034/QĐ-CCXP ngày 25 tháng 3 năm 2022 về việc Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng theo quy định.

- *Về Thời hạn ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:*

Căn cứ khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính *"Đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này, người có thẩm quyền không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng có thể ra quyết định tịch thu sung vào ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy tang vật vi phạm hành chính thuộc loại cấm lưu hành và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật này. Quyết định phải ghi rõ lý do không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính; tang vật bị tịch thu, tiêu hủy; biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng, trách nhiệm và thời hạn thực hiện"*. Ngày 30 tháng 12 năm 2021, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 7464/QĐ-KPHQ về Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Hồ Thạch T là đúng theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2022; Quyết định số 7464/QĐ-KPHQ ngày 30 tháng 12 năm 2021; Quyết định số 1034/QĐ-CCXP ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch UBND thành phố V đã ban hành đúng thẩm quyền, đúng hình thức và về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định.

- *Về nội dung của Quyết định số 1096/QĐ-UBND; Quyết định số 7464/QĐ-KPHQ; Quyết định số 1034/QĐ-CCXP:* Theo hồ sơ thể hiện**,** bà Hồ Thạch T có hành vi chiếm đất phi nông nghiệp diện tích 416,20m^2 của Công ty Cổ phần Đ1 đã được UBND tỉnh H giao đất tại Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2011. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố V căn cứ điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều 14 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP của Chính phủ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP và Điều 28, Điều 70, Điều 85, Điều 87 của Luật xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

Do đó, việc bà Hồ Thạch T yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 1096/QĐ- UBND ngày 04 tháng 4 năm 2022; Quyết định số 7464/QĐ-KPHQ ngày 30 tháng 12 năm 2021; Quyết định số 1034/QĐ-CCXP ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch UBND thành phố V là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh H *vắng mặt nên không có trình bày nhưng có văn bản ý kiến*: Đối với Hành vi vi phạm hành chính và thẩm quyền ban hành Quyết định khắc phục hậu quả đối với bà Hồ Thạch T:

1. Về hành vi vi phạm hành chính: Ngày 16/3/2021, UBND phường V phối hợp Phòng Quản lý đô thị, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V để đo đạc, kiểm tra hiện trạng, tại buổi làm việc bà T thống nhất số liệu đo đạc ngày 23/7/2019. Ngày 26/3/2021, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V có Mảnh trích đo địa chính số 125-2021 thể hiện diện tích nhà, công trình bà T đang xây dựng trên phần đất đã giao cho Công ty (tổng diện tích 416,2m^2). Ngày 11/5/2021, Công chức địa chính phường V, thành phố V tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm của bà T lấn, chiếm đất. Ngày 12/11/2021, Phó Chủ tịch UBND thành phố V lập Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính đối với bà Hồ Thạch T, đã xác định 01 hành vi chiếm đất, Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 11/5/2021 do Công chức địa chính - Xây dựng - Đô thị - Môi trường phường V, thành phố V lập ghi là "lấn, chiếm đất" là thừa hành vi "lấn đất". Việc bà Hồ Thạch T tự ý sử dụng phần đất có diện tích 416,2m^2, mục đích sử dụng để xây dựng nhà ở và buôn bán quán nước giải khát trên phần đất đã được bàn giao cho Công ty Cổ phần Đ1 tại Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 14/01/2011 để thực hiện dự án Khu dân cư P và 3 phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang mà không được Công ty cho phép là hành vi chiếm đất theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày

19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau: Hình thức xử phạt chính: "Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với diện tích đất lấn, chiếm dưới 0,05 héc ta" và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả "Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã lấn, chiếm" theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ là đúng quy định. Qua làm việc bà T cho rằng bà không chiếm đất với lý do phần diện tích đất bà T đang sử dụng đã nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn B (vợ là bà Tô Thị H1); Hợp đồng được UBND phường V công chứng, chứng thực ngày 30/5/2008 nhưng khi Nhà nước thu hồi đất giao cho Công ty Cổ phần Đ1 Gòn thì bà T chưa được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định. Tuy nhiên, căn cứ theo khoản 4 Điều 146 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003 quy định: "4. Hợp đồng chuyển đổi, chuyển nhượng, thuê, thuê lại QSD đất; hợp đồng hoặc văn bản tặng cho QSD đất; hợp đồng thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng QSD đất có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký tại Văn phòng đăng ký QSD đất. Thứ tự ưu tiên thanh toán nghĩa vụ liên quan đến QSD đất được xác định theo thứ tự đăng ký tại Văn phòng đăng ký QSD đất". Mặt dù ông B và vợ là bà H1 đã ký Hợp đồng chuyển nhượng phần đất nêu trên cho bà T nhưng bà T chưa làm thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận QSD đất theo quy định, tại thời điểm bị ảnh hưởng dự án ông Nguyễn Văn B đứng tên Giấy chứng nhận QSD đất số 00834 ngày 07/8/2003, do đó theo quy định tại Điều 8 và Điều 18 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ thì Ủy ban đã phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn B (người đứng tên trên Giấy chứng nhận QSD đất) là đúng đối tượng.

Việc lập biên bản vi phạm hành chính, lập biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính và ban hành quyết định khắc phục hậu quả đối với bà Hồ Thạch T đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền và đúng hình thức. Không thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà T. Đề nghị Tòa án giữ nguyên các quyết định hành chính bị kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần Đ1 *có người đại diện trình bày:* Chúng tôi đã được giao đất thực địa năm 2011, thời điểm đó có nhà và không có ai ở, chúng tôi đã san lắp mặt bằng xong, rào tole lại hết tất cả đất nhưng năm 2013 thì tạm ngưng hoạt động nhưng đến năm 2016 quay lại khởi động lại dự án thì thấy đã bị dỡ tole và có bên bà T ở đó, đó là hành vi chiếm đất. Đất chúng tôi đã thực hiện bồi thường xong. Trước đây chúng tôi cũng có ý kiến thỏa thuận nhưng bên gia đình bà T không hợp tác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang có người đại diện trình bày: Khởi kiện của bà T không liên quan đến quá trình thi hành án. Tuy nhiên, qua xem xét hồ sơ thi hành án của ông B và bà H1, đã có thông báo cấm chuyển dịch tài sản nhưng ông B, bà H1 vẫn thực hiện chuyển nhượng là không đúng quy định. Sau đó có thông báo thu hồi đất, đất vẫn do ông B, bà H1 đứng tên nên phê duyệt bồi thường cho ông

B, bà H1. Theo chỉ đạo chuyển số tiền bồi thường của ông B, bà H1 để thi hành án cho người được thi hành án, số tiền bồi thường mặc dù không đủ thi hành án nhưng đã chia nhỏ theo tỷ lệ và người được thi hành án cũng đồng ý. Thi hành án có hướng dẫn bà T khởi kiện ông B, bà H1 bằng vụ kiện khác.

Tại bản án Hành chính sơ thẩm số 15/2023/HC-ST ngày 19/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử:

Căn cứ vào:

Các Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348 của Luật tố tụng hành chính 2015;

Khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21, Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 32, Điều 36, Điều 38, Điều 39, Điều 41 của Luật khiếu nại năm 2011;

Điều 28, Khoản 2 Điều 38, khoản 2 Điều 65, Điều 85, Điều 86, điểm a khoản 1 Điều 87 của Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012;

Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số ị định 81/2013/NĐ-CP" 81/2013/NĐ-CP19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính

Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ (Nghị định thay thế Nghị định số ị định 81/2013/NĐ-CP" 81/2013/NĐ-CP19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chínhNghị định số ị định 97/2017/NĐ-CP" 97/2017/NĐ-CP18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số ị định 81/2013/NĐ-CP" 81/2013/NĐ-CP19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thạch T về việc yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định hành chính số 1096/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của bà Hồ Thạch T (lần đầu); Quyết định số 7464/QĐ-KPHQ ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 1034/QĐ-CCXP ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả;

Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh H về việc giải quyết khiếu nại đối với bà Hồ Thạch T (lần 2).

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty cổ phần Đ1 hỗ trợ cho bà Hồ Thạch T số tiền 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng), bà T được nhận số tiền này tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang khi thực hiện di dời tài sản trả đất lại cho Công ty Đ1.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 28/6/2023, bà Hồ Thạch T có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm và cho rằng bản án sơ thẩm không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án và có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa, bà T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Trong phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện Luật sư Lê Quang Đ *trình bày:* Về tố tụng, cấp sơ thẩm có vi phạm về tố tụng về việc tống đạt văn bản tố tụng cho người có nghĩa vụ liên quan, không có ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong hồ sơ vụ án. Về nội dung, cấp sơ thẩm xác định thời điểm bà T chiếm đất là năm 2013, là thời điểm phát hiện vi phạm nên áp dụng điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ là không có cơ sở và cấp sơ thẩm thụ lý vụ án hành chính hóa quan hệ dân sự là không đúng về bản chất vụ án. Phía người khởi kiện chứng minh được có quá trình sử dụng đất từ năm 2008 theo trang 2 của bản khai số 178 ngày 09/02/2023 của người bị kiện UBND thành phố V và biên bản đối thoại tại thành phố V ngày 05/4/2023 nhưng không được cấp sơ thẩm đánh giá, xem xét là bất lợi cho bà T. Theo quan điểm của phía người khởi kiện, vụ án này là tranh chấp dân sự vì đất đai đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty cổ phần Đ1 năm 2011 nên thẩm quyền giải quyết tranh chấp là của Tòa án, nếu có tranh chấp thì Công ty cổ phần Đ1 phải khởi kiện dân sự đòi lại đất và xử lý trên đất có tài sản tại Tòa án. Từ khi UBND thành phố V giao đất cho Công ty cổ phần Đ1 cho đến năm 2013 thì các bên có nhiều lần giải quyết tranh chấp với nhau, chính quyền biết rất rõ gia đình bà T đã ở trên đất từ năm 2008, chứ không phải mới phát hiện năm 2013 mới xử lý là thiệt thòi cho người dân. Việc mua bán đất giữa bà T với ông B, bà H1 đã thực hiện xong việc trả tiền và đã bàn giao đất cho bà T sử dụng liên tục ổn định, có xác nhận việc mua bán đất của chính quyền địa phương, việc giao đất cho Công ty cổ phần Đ1 chỉ là trên giấy, không giao trên thực địa nên mới gây bức xúc. Xét công tâm là phải xét lỗi của Ủy ban các cấp vì công tác quản lý đất đai không chặt chẽ, người dân chỉ thực hiện theo. Cấp sơ thẩm không thu thập đầy đủ chứng cứ về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất, việc xác định bà T lấn chiếm vào tháng 5/2021 là không phù hợp với các chứng cứ nêu trên nên người khởi kiện không đồng ý với các quyết định bị kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người khởi kiện bà Hồ Thạch T bổ sung: Yêu cầu được nhận tiền bồi thường để ổn định cuộc sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về thủ tục: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hành chính, đơn kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định. Về nội dung: Bản án sơ thẩm xét xử có căn cứ, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của người khởi kiện bà Hồ Thạch T trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; người đại diện hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do đó, căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hiệu, đối tượng khởi kiện và người tham gia Tố tụng, Tòa cấp sơ thẩm xác định là đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung: Bà Hồ Thị T2 yêu cầu Tòa giải quyết hủy các Quyết định sau:

- Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của bà Hồ Thị T2 (lần đầu);

- Quyết định số 7464/QĐ-KPHQ ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả;

- Quyết định số 1034/QĐ-CCXP ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả;

- Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh H về việc giải quyết khiếu nại đối với bà Hồ Thị T2 (lần 2);

[4] Xét kháng cáo của Người khởi kiện bà Hồ Thị T2, xét thấy:

[4.1] Ngày 30/5/2008, bà Hồ Thị T2 có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà của ông Nguyễn Văn B, bà Tô Thị H1, phần đất tại thửa 735, diện tích 369,9m^2 toạ lạc tại khu V, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; được Ủy ban

nhân dân phường V. Bà T2 nộp hồ sơ đăng ký cấp quyền sử dụng đất nhưng bị từ chối; lý do trước đó năm 2005 Chi cục thi hành án dân sự thị xã V có bản đề nghị gửi các cơ quan chuyên môn về việc cấm chuyển dịch tài sản đối với ông B và bà H1 (BL 251) để đảm bảo thi hành bản án đã có hiệu lực pháp luật. Năm 2008, Ủy ban thu hồi đất tại vị trí đất và nhà của ông B, bà H1 để thực hiện dự án Khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2 và 3 phường V, thị xã V, Ủy ban ban hành quyết định thu hồi đất của bà T2, sau đó có quyết định điều chỉnh tên chủ sử dụng là ông B, bà H1 và bồi thường tiền cho ông B, bà H1. Số tiền này được nộp vào Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vị Thanh để đảm bảo thi hành bản án của Tòa án đối với ông B, bà H1. sau đó bà T2 khiếu nại và được Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vị Thanh hướng dẫn bà T2 khởi kiện ông B, bà H1 để đảm bảo quyền lợi nhưng bà T2 không thực hiện.

Sau khi thực hiện thu hồi đất xong, Ủy ban giao phần đất này cho Công ty Đ1 làm dự án theo Quyết định số 47 ngày 14/01/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh H, bà T2 đã giao căn nhà này sau khi có quyết định kê biên; Xét thấy, bà T2 có phần thiệt thòi trong việc mua đất và nhà của ông B, bà H1 bị kê biên xử lý tài sản thi hành án nên Ủy ban nhân dân thành phố V đề xuất UBND tỉnh giao cho bà T2 một nền tái định cư tại phường I, thành phố V để bà ổn định cuộc sống. Do dự án của công ty chưa thi công tới căn nhà của ông B, bà H1, theo bà T2 trình bày, năm 2013 bà về ở và bán quán cà phê đến nay.

[4.2] Như vậy phần đất có diện tích 416,2m^2 đã được UBND thành phố V bàn giao cho Công ty Cổ phần Đ1 để thực hiện dự án Khu dân cư P và 3, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang, sau đó bà T2 đến xây nhà để mở quán nhưng không được Công ty cho phép là hành vi chiếm đất theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Do bà T2 không tự nguyện chấp hành Quyết định số 7464/QĐ-KPHQ nên Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1034/QĐ-CCXP ngày 25 tháng 3 năm 2022 về Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng theo quy định.

[4.3] Bà T2 cho rằng diện tích đất trên ông B và bà H1 đã ký Hợp đồng chuyển nhượng cho bà nên bà được quyền sử dụng và thực hiện các quyền của mình. Tuy nhiên, xét thấy việc chuyển nhượng giữa hai bên chưa làm thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận QSD đất theo quy định. Tại thời điểm bị ảnh hưởng dự án, hộ ông Nguyễn Văn B vẫn đang đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00834 ngày 07/8/2003. Do đó, theo quy định tại Điều 8 và Điều 18 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ thì UBND thành phố V đã phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn B (người đứng tên trên Giấy chứng nhận QSD đất) là đúng đối tượng.

[4.4] Trong quá trình giải quyết khiếu nại, Ủy ban nhân dân thành phố V đã xem xét điều kiện và đã cấp cho hộ bà T2 một lô đất để ổn định cuộc sống và Công ty Đ1 tự nguyện hỗ trợ cho bà T2 để di dời tài sản trong nhà, trả lại đất cho

công ty với số tiền 300 triệu đồng là đã đảm bảo quyền lợi của bà. Việc bà thực hiện giao dịch sang nhượng QSD đất với vợ chồng ông B, bà H1 nếu phát sinh tranh chấp thì khởi kiện để được giải quyết thành vụ án dân sự khác.

[5] Từ những căn cứ trên, xét Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T2 là có căn cứ, đúng pháp luật; bà T2 kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác so với cấp sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[8] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Hồ Thị T2 phải chịu án phí theo quy định.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 241 Luật tố tụng hàng chính năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Hồ Thạch T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2023/HC-ST ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21, Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 32, Điều 36, Điều 38, Điều 39, Điều 41 của Luật khiếu nại năm 2011;

- Điều 28, Khoản 2 Điều 38, khoản 2 Điều 65, Điều 85, Điều 86, điểm a khoản 1 Điều 87 của Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012;

- Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

- Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số ị định 81/2013/NĐ-CP" 81/2013/NĐ-CP19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính

- Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ (Nghị định thay thế Nghị định số ị định 81/2013/NĐ-CP" 81/2013/NĐ-CP19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chínhNghị định số ị định 97/2017/NĐ-CP"

97/2017/NĐ-CP18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số ị định 81/2013/NĐ-CP" 81/2013/NĐ-CP19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.1 Bác yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thạch T về việc yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định hành chính số 1096/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của bà Hồ Thạch T (lần đầu); Quyết định số 7464/QĐ-KPHQ ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 1034/QĐ-CCXP ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh H về việc giải quyết khiếu nại đối với bà Hồ Thạch T (lần 2).

1.2 Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty cổ phần Đ1 hỗ trợ cho bà Hồ Thạch T số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), bà T được nhận số tiền này tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang khi thực hiện di dời tài sản trả đất lại cho Công ty Đ1.

2. Về án phí Hành chính phúc thẩm: bà Hồ Thạch T phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000005 ngày 28/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy **Nguyễn Thị Cúc** **Lê Văn An**